

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**  
**Quý I năm 2025**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo tài chính:</b>	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hợp Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

### **CÔNG TY**

Công ty cổ phần Hợp Nhất là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400379403 cấp lần đầu ngày 11/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:**

Ông Đặng Quốc Lịch	Chủ tịch HĐQT
Bà Đào Ngọc Thảo	Thành viên
Ông Phạm Hữu Bão	Thành viên
Ông Vi Thành Chính	Thành viên
Ông Đồng Khánh Dur	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:**

Ông Phạm Hữu Bão	Tổng giám đốc
Ông Đào Ngọc Thảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Đồng Khánh Dur	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Xuân Giang	Phó Tổng giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:**

Bà Lê Thị Bích Yên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Hằng	Thành viên

### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Hữu Bão – Tổng giám đốc.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau::

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Hữu Bảo**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>441.615.482.591</b>	<b>418.393.476.161</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>265.857.738</b>	<b>4.648.193.593</b>
1. Tiền	111		265.857.738	4.648.193.593
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			<b>4.097.464.402</b>	<b>4.095.210.881</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.097.464.402	4.095.210.881
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>397.054.067.732</b>	<b>386.186.834.767</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	258.340.136.483	250.940.313.784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	133.407.455.304	114.871.719.667
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.303.169.475	10.882.369.467
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.003.306.470	9.492.431.849
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>39.741.577.925</b>	<b>22.161.025.590</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.741.577.925	22.161.025.590
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>456.514.794</b>	<b>1.302.211.330</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		456.514.794	290.952.607
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.011.258.723
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.025.928.161.782</b>	<b>1.036.757.295.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>62.000.000</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	-	62.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>749.204.777.899</b>	<b>769.865.553.402</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	747.676.368.737	768.246.235.150
- Nguyên giá	222		1.324.572.215.861	1.323.537.215.861
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(576.895.847.124)	(555.290.980.711)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	1.433.712.117	1.518.939.390
- Nguyên giá	225		2.727.272.727	2.727.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.293.560.610)	(1.208.333.337)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	94.697.045	100.378.862
- Nguyên giá	228		454.545.455	454.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(359.848.410)	(354.166.593)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>16.290.764.687</b>	<b>5.452.897.756</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.290.764.687	5.452.897.756
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4</b>	<b>161.300.000.000</b>	<b>161.300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		161.300.000.000	161.300.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99.132.619.196</b>	<b>100.076.844.304</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	99.132.619.196	100.076.844.304
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.467.543.644.373</b>	<b>1.455.150.771.623</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>259.848.120.677</b>	<b>263.980.669.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>259.137.839.445</b>	<b>263.030.387.825</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	108.851.870.696	129.996.259.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	925.872.853	76.791.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	53.671.282.200	46.243.034.591
4. Phải trả người lao động	314		7.562.636.912	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.595.109.609	447.898.875
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.147.067.175	5.716.403.290
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	80.384.000.000	80.550.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21		-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>710.281.232</b>	<b>950.281.232</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	240.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	710.281.232	710.281.232
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.207.695.523.696</b>	<b>1.191.170.102.566</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.207.695.523.696</b>	<b>1.191.170.102.566</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.179.000.000.000	1.179.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.179.000.000.000	1.179.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.695.523.696	12.170.102.566
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		225.599.547	225.599.547
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.469.924.149	11.944.503.019
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.467.543.644.373</b>	<b>1.455.150.771.623</b>

Người lập biểu

Vũ Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trung

Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Quý I/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Lũy kế Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Lũy kế Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	203.088.984.450	104.514.795.620	203.088.984.450	104.514.795.620
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. DT thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		203.088.984.450	104.514.795.620	203.088.984.450	104.514.795.620
4. Giá vốn hàng bán	11	25	181.279.390.023	87.893.904.832	181.279.390.023	87.893.904.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.809.594.427	16.620.890.788	21.809.594.427	16.620.890.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	99.575.777	1.203.543.196	99.575.777	1.203.543.196
7. Chi phí tài chính	22	27	749.906.726	508.409.560	749.906.726	508.409.560
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		749.906.726	508.409.560	749.906.726	508.409.560
8. Chi phí bán hàng	24	28	865.101.539	440.277.879	865.101.539	440.277.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	3.712.044.232	7.984.945.899	3.712.044.232	7.984.945.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.582.117.707	8.890.800.646	16.582.117.707	8.890.800.646
{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}						
11. Thu nhập khác	31	31	-	4.189.123.344	-	4.189.123.344
12. Chi phí khác	32	32	56.696.577	10.446.927.266	56.696.577	10.446.927.266
13. Lợi nhuận khác	40		(56.696.577)	(6.257.803.922)	(56.696.577)	(6.257.803.922)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.525.421.130	2.632.996.724	16.525.421.130	2.632.996.724



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Quý I/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Lũy kế Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Lũy kế Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.316.423.541	1.855.046.769	3.316.423.541	1.855.046.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.208.997.589	777.949.955	13.208.997.589	777.949.955
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	112,04	6,60	112,04	6,60
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trung

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Bảo



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			0	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		217.629.934.830	146.411.376.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(226.360.281.308)	(39.545.672.622)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.546.186.468)	(4.370.619.984)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(749.906.726)	(612.721.679)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(9.069.756.131)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.577.430.259	131.136.959.551
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(56.806.526.434)	(124.908.378.218)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-62.255.535.847</b>	<b>99.041.187.475</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	-18.500.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.579.199.992	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(75.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.579.199.992</b>	<b>(84.000.000.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		49.374.000.000	32.320.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	-32.330.267.367
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-80.000.000	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>49.294.000.000</b>	<b>-10.267.367</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>-4.382.335.855</b>	<b>15.030.920.108</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.648.193.593</b>	<b>1.645.967.284</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>265.857.738</b>	<b>16.676.887.392</b>


Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trung

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.310.614	983.732.797
Tiền gửi ngân hàng	263.547.124	3.664.460.796
Các khoản tương đương tiền (*)		
<b>Cộng</b>	<b>265.857.738</b>	<b>4.648.193.593</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại ngày 31/03/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.097.464.402</b>	<b>4.097.464.402</b>	<b>4.095.210.881</b>	<b>4.095.210.881</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	4.097.464.402	4.097.464.402	4.095.210.881	4.095.210.881
Các khoản đầu tư khác	0	0		
<b>Dài hạn</b>	<b>161.300.000.000</b>	<b>161.300.000.000</b>	<b>161.300.000.000</b>	<b>161.300.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0		
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	161.300.000.000	161.300.000.000	161.300.000.000	161.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>165.397.464.402</b>	<b>165.397.464.402</b>	<b>165.395.210.881</b>	<b>165.395.210.881</b>

(\*)

1, Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 114000164754 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Hải Dương, số tiền:

2.500.000.000 đồng, kỳ hạn: 11 ngày.

2, Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 114000164754 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Hải Dương, số tiền:

1.550.000.000 đồng, kỳ hạn: 01 tháng.

**3. Phải thu khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh và dịch vụ Bảo Long	12.122.200.340	8.594.346.180
Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế An Dương	2.264.096.140	8.051.833.020
Công ty cổ phần thương mại Hoàng Thảo Lâm	20.423.383.120	20.423.383.120
Công ty cổ phần chế biến sàng tuyển Hợp Nhất	90.430.770.955	69.020.711.065
Công ty xi măng Chinfon		11.954.043.585
Công ty TNHH đầu tư tổng hợp Quốc Cường	13.920.178.194	16.763.430.194
Công ty Cổ phần Vật tư, Thiết bị mỏ Bắc Giang	15.387.728.344	15.387.728.344
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Gia	18.483.543.210	28.387.233.930
Công ty TNHH TM Huy Phúc	74.287.603.800	59.136.106.195
Các đối tượng khác	11.020.632.380	11.215.509.180
<b>Cộng</b>	<b>258.340.136.483</b>	<b>248.934.324.813</b>

Số dư các bên liên quan (chi tiết TM số 34)

**4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>114.767.284.159</b>	<b>96.231.548.522</b>
Công ty cổ phần vật tư thiết bị mỏ Bắc Giang	7.523.908.024	7.127.106.516
Công ty Cổ phần Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang (*)	35.753.266.112	35.753.266.112
Công ty cổ phần Đức Thái	8.200.000.000	8.200.000.000
Công ty TNHH Tiến Nhất Ninh Bình	36.670.000.000	27.870.000.000
Các đối tượng khác	26.620.110.023	17.281.175.894
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>18.640.171.145</b>	<b>18.640.171.145</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>18.640.171.145</b>	<b>18.640.171.145</b>
Liên hiệp KHCN TN khoáng sản môi trường và năng lượng	18.640.171.145	18.640.171.145
<b>Cộng</b>	<b>133.407.455.304</b>	<b>114.871.719.667</b>

Đơn vị tính: VND

**5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.606.476.215</b>	<b>0</b>	<b>20.374.801.316</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ *	1.255.575.373		1.193.575.373	
Tạm ứng			3.300.000.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý I năm 2025

Phải thu lãi cho vay	95.720.923	1.254.366.259
Phải thu về cho vay	2.303.169.475	10.882.369.467
Các khoản khác	1.952.010.444	3.744.490.217
<b>Dài hạn</b>	-	<b>62.000.000</b>
Ký cược, ký quỹ *		62.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.606.476.215</b>	<b>20.436.801.316</b>

(\*)Khoản ký quỹ bảo vệ môi trường 3 mô tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đơn vị tính: VND

**6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	-	0	-	-
Công ty TNHH Tudy	-	0	-	0

**7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.662.875.754	3.662.875.754	1.635.666.371	
Công cụ, dụng cụ	37.195.894	37.195.894	22.421.894	
Thành phẩm	7.956.546.020	7.956.546.020	13.227.850.894	
Hàng hoá	21.945.442.546	21.945.442.546	2.084.155.475	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.139.517.711	6.139.517.711	5.191.930.956	
<b>Cộng</b>	<b>39.741.577.925</b>	<b>39.741.577.925</b>	<b>22.162.025.590</b>	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản	16.290.764.687	5.452.897.756
- Dự án xây dựng đường lò	16.290.764.687	5.452.897.756
- Dự án khác	0	-
<b>Cộng</b>	<b>16.290.764.687</b>	<b>5.452.897.756</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết phụ lục số 01)**

	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	2.727.272.727	2.727.272.727
Thuê tài chính trong kỳ		-
Mua tại tài sản thuê tài chính	0	-
Số cuối kỳ	2.727.272.727	0
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu kỳ		
Tăng trong kỳ	1.208.333.337	1.208.333.337
Giảm trong kỳ	85.227.273	85.227.273
Số cuối kỳ	1.293.560.610	0
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1.518.939.390	0
Tại ngày cuối kỳ	1.433.712.117	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Phản mềm kế toán</b>	<b>Quyền khai thác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm		454.545.455	454.545.455
Tăng trong năm	0		-
Giảm trong năm	0		-
Số cuối năm	0	454.545.455	454.545.455
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	0		
Tăng trong năm	0	354.166.593	354.166.593
Giảm trong năm	0	5.681.817	5.681.817
Số cuối năm	0	359.848.410	359.848.410
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	0	100.378.862	100.378.862
Tại ngày cuối năm	0	94.697.045	94.697.045

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**12. Chi phí trả trước**

	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	456.514.794	290.952.607
Công cụ dụng cụ		170.065
Chi phí bảo dưỡng xe	439.237.839	265.137.063
Chi phí khác	17.276.955	25.645.479
<b>Dài hạn</b>	99.132.619.196	100.076.844.304
Công cụ dụng cụ	177.574.499	193.844.552
Chi phí thăm dò, phân tích mẫu	12.336.659.558	12.625.203.653
Chi phí khoan mẫu (*)	58.087.978.393	59.518.100.431
Chi phí cải tạo đường nội mỏ	21.426.791.781	22.062.327.945
Chi phí sửa chữa nhà	3.092.089.162	3.249.101.658
Chi phí khác	4.011.525.803	2.428.266.065
<b>Cộng</b>	<b>99.589.133.990</b>	<b>100.367.796.911</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

(Chi tiết tại phụ lục 02)

**14. Phải trả người bán**

	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>		<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	108.481.491.446	108.481.491.446	129.721.980.395	129.721.980.395
Công ty TNHH cơ khí xây dựng và thương mại Bảo An Quảng Ninh	1.194.838.457	1.194.838.457	1.194.838.457	1.194.838.457
Công ty TNHH Đông Phương Tiến	421.750.000	421.750.000	421.750.000	421.750.000
Công ty cổ phần Hoàng Trường	5.100.000.000	5.100.000.000		



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

Chi nhánh công ty 16 tại Hà Nội	61.937.867.550	61.937.867.550	76.910.900.212	76.910.900.212
Công ty TNHH MTV Hà Thành	7.000.000.000	7.000.000.000	21.830.448.530	21.830.448.530
Công ty TNHH MTV T608		0	14.187.925.010	14.187.925.010
Các đối tượng khác	32.827.035.439	32.827.035.439	15.176.118.186	15.176.118.186

**b. Dài hạn**

<b>Cộng</b>	<b>108.481.491.446</b>	<b>108.481.491.446</b>	<b>129.721.980.395</b>	<b>129.721.980.395</b>
-------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

**Số dư các bên liên quan**

(Chi tiết tại thuyết minh số 34)

**15. Người mua trả tiền trước**

	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>925.872.853</b>	<b>76.791.424</b>
Công ty TNHH Tiến Trung		72.329.600
Công ty TNHH TMDV Vận tải Vũ Quân	4.461.824	4.461.824
Công ty CP Thiên Lâm Đạt	921.411.029	
<b>b. Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>925.872.853</b>	<b>76.791.424</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp</b>	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	10.006.851.942	413.647.248	2.140.427.229	11.733.631.923
Thuế Thu nhập DN	9.118.555.319			9.118.555.319
Thuế Thu nhập cá nhân	1.911.816.343	272.673.102	292.122.542	1.931.265.783
Thuế Tài nguyên	10.395.068.545		4.439.397.614	14.834.466.159
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	818.668.973	5.031.194		813.637.779
Thuế bảo vệ môi trường	5.042.550.000	434.547.248	1.569.037.800	6.177.040.552
Các loại thuế khác	1.603.826.000	3.000.000	3.000.000	1.603.826.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.345.697.469	417.676.718	530.837.934	7.458.858.685
<b>Cộng</b>	<b>46.243.034.591</b>	<b>1.546.575.510</b>	<b>8.974.823.119</b>	<b>53.671.282.200</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công đoàn, BHXH		
Chi phí đề án đánh giá thăm dò tổng thể trữ lượng than mỏ than Nước Vàng	5.147.210.734	5.147.210.734
Khác	447.898.875	447.898.875
<b>Cộng</b>	<b>5.595.109.609</b>	<b>5.595.109.609</b>

**18. Phải trả khác**

	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn		3.434.082
Bảo hiểm xã hội		
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp	8.701	
Phải trả về cổ phần hoá		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

Các khoản phải trả, phải nộp khác

2.147.058.474

565.758.474

*- Các đối tượng khác***Cộng****2.147.067.175****569.192.556****19. Dự phòng phải trả**

Tại ngày 31/03/2025

Tại ngày 01/01/2025

VND

VND

**a. Ngắn hạn****b. Dài hạn**

Dự phòng chi phí hoàn nguyên

710.281.232

710.281.232

**Cộng****710.281.232****710.281.232****20. Vốn chủ sở hữu: Chi tiết phụ lục 03****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Đặng Quốc Lịch	361.315.000.000	30,65	361.315.000.000	30,65
Đặng Quốc Chính	35.370.000.000	3,00	35.370.000.000	3,00
Phạm Hữu Bảo	9.615.000.000	0,82	9.615.000.000	0,82
Đồng Khánh Dư	9.684.000.000	0,82	9.684.000.000	0,82
Đào Ngọc Thảo	9.615.000.000	0,74	8.719.000.000	0,74
Các cổ đông khác	772.700.000.000	63,98	754.297.000.000	63,98
<b>Tổng</b>	<b>1.179.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.179.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.179.000.000.000	1.179.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	
+ Vốn góp cuối năm	1.179.000.000.000	1.179.000.000.000
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.900.000	117.900.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.900.000	117.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.900.000	117.900.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.900.000	117.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.900.000	117.900.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**21. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**

Tại ngày 31/03/2025

Tại ngày 01/01/2025

VND

VND

Ngoại tệ các loại

- USD

**22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu**Từ 01/01/2025 đến  
31/03/2025

Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024

VND

VND

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

203.088.984.450

104.514.795.620

**Cộng****203.088.984.450****104.514.795.620****23. Giá vốn hàng bán**Từ 01/01/2025 đến  
31/03/2025

Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024

VND

VND

- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

181.279.390.023

87.893.904.832

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

<b>Cộng</b>	<b>181.279.390.023</b>	<b>87.893.904.832</b>
<b>24. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	99.575.777	1.203.543.196
<b>Cộng</b>	<b>99.575.777</b>	<b>1.203.543.196</b>
<b>25. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền vay	749.906.726	508.409.560
<b>Cộng</b>	<b>749.906.726</b>	<b>508.409.560</b>
<b>26. Chi phí bán hàng</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	80.245.895	3.993.109
- Chi phí nhân công	300.855.334	258.840.077
- Chi phí khấu hao TSCĐ	104.122.556	177.444.693
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.877.754	-
- Chi phí dự phòng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>865.101.539</b>	<b>440.277.879</b>
<b>27. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân công	1.980.791.679	2.517.605.193
- Chi phí khấu hao TSCĐ	247.998.375	45.925.308
- Thuế, phí, lệ phí	51.079.545	3.541.459.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.394.544	1.561.918.306
- Chi phí khác bằng tiền	659.268.685	318.038.092
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	62.511.404	-
<b>Cộng</b>	<b>3.712.044.232</b>	<b>7.984.945.899</b>
<b>28. Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	919.003.604	2.654.088.699
- Chi phí nhân công	15.599.159.186	11.584.821.351
- Chi phí khấu hao TSCĐ	17.652.072.717	20.601.806.236
- Thuế, phí, lệ phí	2.704.553.491	6.824.693.460
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.876.126.801	1.561.918.306
- Chi phí khác bằng tiền	-	318.038.092
- Chi phí dự phòng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>44.516.059.821</b>	<b>43.545.366.144</b>
<b>29. Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thanh lý tài sản cố định	-	4.189.123.344
- Thu nhập khác	-	4.189.123.344
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.378.246.688</b>
<b>30. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí thanh lý	-	3.804.690.143
- Phạt chậm nộp tiền thuế	56.696.577	6.548.506.246
- Lãi chậm trả gốc vay ngân hàng, bảo hiểm	-	1.713.830
- Khấu hao TSCĐ không sử dụng	-	92.017.047
<b>Cộng</b>	<b>56.696.577</b>	<b>10.446.927.266</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Quý I năm 2025**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.371.532.950	1.855.046.769
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.371.532.950	1.855.046.769
<b>Chi tiết thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	16.582.117.707	8.890.800.646
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	56.696.577	6.642.237.123
Điều chỉnh tăng	56.696.577	6.642.237.123
- Các khoản chi phí không được trừ	56.696.577	6.642.237.123
Điều chỉnh giảm	0	-
- Lỗi lũy kế	0	-
Lợi nhuận chịu thuế	16.525.421.130	2.632.996.724
Thuế suất hiện hành	20%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.316.423.541	1.855.046.769
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.316.423.541	1.855.046.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.316.423.541	1.855.046.769

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.208.997.589	777.949.955
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.208.997.589	777.949.955
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	117.900.000	117.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	112	6,60

**33. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

**34. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****a. Thông tin các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Đặng Quốc Lịch	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Hữu Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Đào Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Đồng Khánh Dur	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Vi Thành Chính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Thị Bích Yên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thanh Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Thùy Dương	Vợ ông Đặng Quốc Lịch
Ông Đặng Quốc Cường	Em trai ông Đặng Quốc Lịch
Bà Phạm Hoài Thương	Vợ ông Đặng Quốc Cường
Bà Trần Thị Thanh Cảnh	Vợ ông Đồng Khánh Dur
Bà Vũ Thị Hường	Vợ ông Phạm Hữu Bảo
Bà Đặng Thị Luyến	Em gái ông Đặng Quốc Lịch
Ông Nguyễn Văn Cháp	Bố ông Nguyễn Việt Phương
Bà Nguyễn Thị Yên	Mẹ ông Nguyễn Việt Phương
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Em ông Nguyễn Việt Phương
Bà Đặng Thị Lan	Em gái ông Đặng Quốc Lịch



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

Ông Đào Quang Năng

Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt

Liên Hiệp Khoa học Công nghệ môi trường và năng lượng

Chồng bà Đặng Thị Lan

Cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Phương là Phó tổng giám đốc đồng thời là Giám đốc Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên khoáng sản môi trường và năng lượng

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

**b. Giao dịch với bên liên quan**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
<b>Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ		225.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ		2.831.790.750
Chi phí thuê văn phòng	246.100.000	
<b>Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên KS MT và NL</b>		
Bán hàng hóa		
Mua hàng hóa và dịch vụ	210.000.000	

**c. Số dư các bên liên quan**

	Tại ngày 31/03/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	-	-
Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên khoáng sản MT và NL		2.005.988.971
Công ty CP Thiên Lâm Đạt		274.279.250
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt	370.379.250	274.279.250
<b>Trả trước tiền cho người bán</b>	18.430.171.145	18.640.171.145
Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên khoáng sản MT và NL	18.430.171.145	18.640.171.145

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam; Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Quý I năm 2024 do Công ty tự lập.

Người lập biểu



Vũ Thị Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trung

Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

**Chi tiết phụ lục số 01-Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	30.115.464.630	59.585.401.056	29.422.257.700	2.112.892.908	1.202.301.199.567	1.323.537.215.861
Tăng trong năm	-	-	1.035.000.000	-	-	1.035.000.000
- Mua trong năm			1.035.000.000			1.035.000.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
Giảm trong năm						
Số cuối kỳ	30.115.464.630	59.585.401.056	30.457.257.700	2.112.892.908	1.202.301.199.567	1.324.572.215.861
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu kỳ	10.081.232.727	30.142.671.855	25.173.873.496	2.060.265.999	487.832.936.634	555.290.980.711
Tăng trong năm	266.260.074	965.795.118	444.951.258	1.671.876	19.926.188.087	21.604.866.413
- Khấu hao trong năm	266.260.074	965.795.118	444.951.258	1.671.876	19.926.188.087	21.604.866.413
Giảm trong năm						
Số cuối kỳ	10.347.492.801	31.108.466.973	25.618.824.754	2.061.937.875	507.759.124.721	576.895.847.124
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	20.034.231.903	29.442.729.201	4.248.384.204	52.626.909	714.468.262.933	768.246.235.150
Tại ngày cuối kỳ	19.767.971.829	28.476.934.083	4.838.432.946	50.955.033	694.542.074.846	747.676.368.737

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thể chấp: 135.879.642 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 217.718.086.617 VND

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền khai thác khoáng sản khu 98,8ha	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	454.545.455	454.545.455
- Mua trong kỳ		-
Số cuối kỳ	454.545.455	454.545.455
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu kỳ	354.166.593	-
- Khấu hao trong kỳ	5.681.817	5.681.817
Số cuối kỳ	359.848.410	359.848.410
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	100.378.862	100.378.862
Tại ngày cuối kỳ	94.697.045	94.697.045

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thể chấp: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý I năm 2025

Đơn vị tính: VND

**Chi tiết phụ lục 02 - Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>80.070.000.000</b>	<b>80.070.000.000</b>	<b>49.374.000.000</b>	<b>49.700.000.000</b>	<b>79.744.000.000</b>	<b>79.744.000.000</b>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>80.070.000.000</i>	<i>80.070.000.000</i>	<i>49.374.000.000</i>	<i>49.700.000.000</i>	<i>79.744.000.000</i>	<i>79.744.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Dương (1)	80.070.000.000	80.070.000.000	49.374.000.000	49.700.000.000	79.744.000.000	79.744.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>720.000.000</b>	<b>720.000.000</b>	-	<b>80.000.000</b>	<b>640.000.000</b>	<b>640.000.000</b>
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>720.000.000</i>	<i>720.000.000</i>	-	<i>80.000.000</i>	<i>640.000.000</i>	<i>640.000.000</i>
Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (2)	720.000.000	720.000.000		80.000.000	640.000.000	640.000.000
<b>Tổng</b>	<b>80.790.000.000</b>	<b>80.790.000.000</b>	<b>49.374.000.000</b>	<b>49.780.000.000</b>	<b>80.384.000.000</b>	<b>80.384.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 2493.0010/2024-HĐCVHM/NHCT344-HN ngày 13/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Dương và Công ty CP Hợp Nhất.

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 10/06/2024 đến ngày 10/06/2025
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chế biến, thương mại than các loại
- Thời hạn cho vay: Được quy định trên từng GNN nhưng tối đa không quá 06 tháng
- Lãi suất: Được quy định trên từng GNN
- Tài sản đảm bảo:
  - + GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH02684, GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH0326 đứng tên ông Đặng Quốc Lịch và bà Đinh Thị Thùy Dương; GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CS10579 và xe ô tô mang biển kiểm soát 29B-401.38 đứng tên bà Đinh Thị Thùy Dương; Các xe ô tô mang biển kiểm soát Xe Lexus 14A-133.66, Xe ô tô con Toyota BKS 14A-128.16, Xe ô tô con Toyota BKS 14A-113.36, Xe ô tô con Hummer BKS 14A-039.99 đứng tên ông Đặng Quốc Lịch
  - + QSD đất số vào sổ cấp GCN CH 00335 đứng tên bà Phan Thị Ngọc Anh
  - + GCN quyền sử dụng đất số CH00028 đứng tên Ông Đặng Quốc Cường và bà Phạm Hoài Thương, và Xe ô tô Toyota Prado VX BKS 14A-209.88 đứng tên ông Đặng Quốc Cường.
  - + QSD đất số vào sổ cấp GCN CH 00124 đứng tên Ông Nguyễn Văn Cháp và Bà Phạm Thị Yên
  - + GCN QSD số phát hành CO 127572 đứng tên Ông Phạm Hữu Bảo và Bà Vũ Thị Hương
  - + GCN QSD số phát hành CN 152568 đứng tên Ông Đào Quang Năng và bà Đặng Thị Lan
  - + Tài sản của Liên hiệp KHCN Tài Nguyên KSMT và Năng lượng là Ô tô con Toyota Landcruise BKS 14A-231.65, Xe ô tô tải tự đổ BKS 14C-151.64, Xe ô tô Ford Everest 14A-165.69.
  - + Tài sản của Công ty CP chế biến sàng tuyển Hợp Nhất bao gồm xe ô tô mang biển kiểm soát 98C-140.94, 98C-140.71, 01 tàu thủy nội địa số ĐK BG-0384.
  - + Tài sản Công ty CP Khoa học sản xuất Mỏ Bắc Giang là Xe Toyota Hilux BKS 98C-091.72
  - + Tài sản của Công ty CP Thiên Lâm Đạt bao gồm Xe tải pickup cabin BKS 98C-126.81
  - + Xe ô tô Toyota Prado VX BKS 14A-211.19 đứng tên bà Đặng Thị Luyến
  - + Tài sản của Công ty cổ phần Hợp Nhất bao gồm: xe ô tô mang biển kiểm soát 98C-075.55, 98C-075.30, 98C-073.73, 98C-054.03, 98C-054.27, tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn có giá trị 2,5 tỷ và các quyền tài sản, quyền khai thác của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT**

Thôn Văn Non, X. Lục Sơn, H. Lục Nam, T. Bắc Giang, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Quý I năm 2025

- (2) Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.076/2021/TSC-CTTC ngày 10/06/2021 giữa Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty CP Hợp Nhất
- Tài sản cho thuê: 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu, model: PC750LC-6 có giá 3.000.000.000 đồng (đã bao gồm VAT)
  - Số tiền cho thuê: 3.000.000.000 VNĐ
  - Mục đích cho thuê: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị
  - Thời hạn cho thuê: 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ
  - Lãi suất cho thuê: Lãi suất áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, sau đó, lãi suất được xác định bằng trần lãi suất huy động vốn VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đối với khách hàng cá nhân + biên độ 5%/năm và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--- o0o ---

Bắc Giang, ngày 20 tháng 04 năm 2025

Số: 79/2025/CV/AAH

V/v: Giải trình chênh lệch LNST từ 10% trở  
lên Quý I năm 2025 so với cùng kỳ Quý  
I/2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Hợp nhất xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Quý Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Hợp nhất xin giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 10% trở lên tại Báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2025 so với cùng kỳ năm trước quý I năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Quý I/ 2025 (VNĐ)	Quý I/ 2024 (VNĐ)	Chênh lệch Quý I/2025 so với quý I/2024	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.582.117.707	8.890.800.646	7.691.317.061	86,51
3	Chi phí khác	56.696.577	10.446.927.266	-10.390.230.689	-99,46
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	13.208.997.589	777.949.955	12.431.047.634	1.597,92

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng: 7,691 tỷ đồng tương đương 86,51% do: Giá vốn giảm 0,05% dẫn đến lợi nhuận gộp tăng: 5,188 tỷ đồng và chi phí QLDN giảm 53,51% tương đương 4,272 tỷ đồng...

- Chi phí khác giảm: 10,390 tỷ đồng tương đương 99,46% là do Quý I năm 2025 Công ty không có hoạt động thanh lý TSCĐ và tiền phạt chậm nộp thuế giảm 99,13%

Hai nguyên nhân trên dẫn đến Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế tăng: 12,431 tỷ đồng tương đương 1.597,92%

Công ty Cổ phần Hợp nhất xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết.  
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT Website;
- Lưu HC.

Người đại diện theo Pháp luật

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phạm Hữu Bảo